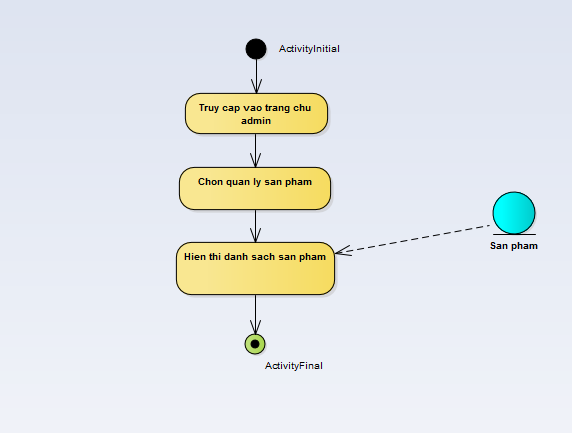
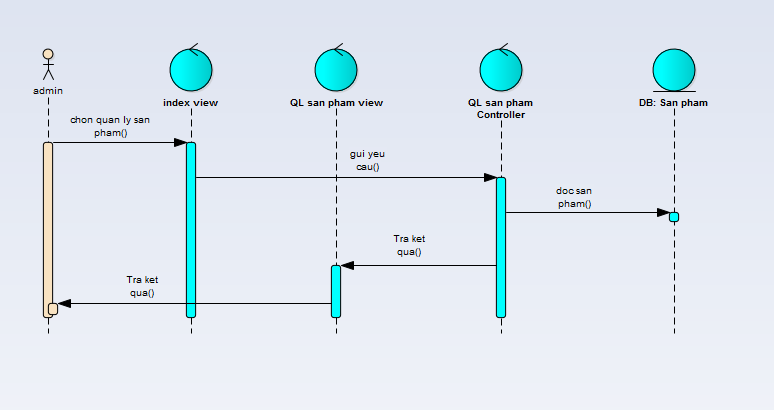
I. Chức năng của admin

1. Mô tả văn bản

a. Quản lý sản phẩm

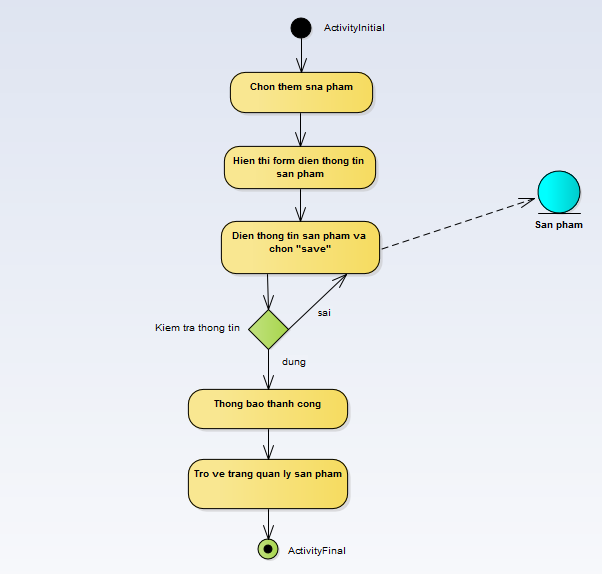
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Quản lý sản phẩm | | **ID**: 1 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn quản lý sản phẩm của toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả admin xem toàn bộ sản phẩm của hệ thống. | | | |
| **Ràng buộc**: Admin chọn chức năng quản lý sản phẩm.  **Loại**: Bên ngoài | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Thêm, xóa, chỉnh sửa thông tin sản phẩm, nhập và xuất dữ liệu  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin truy cập vào trang admin.  2. Admin chọn quản lý sản phẩm.  3. Hệ thống trả về danh sách các sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: Không có | | | |

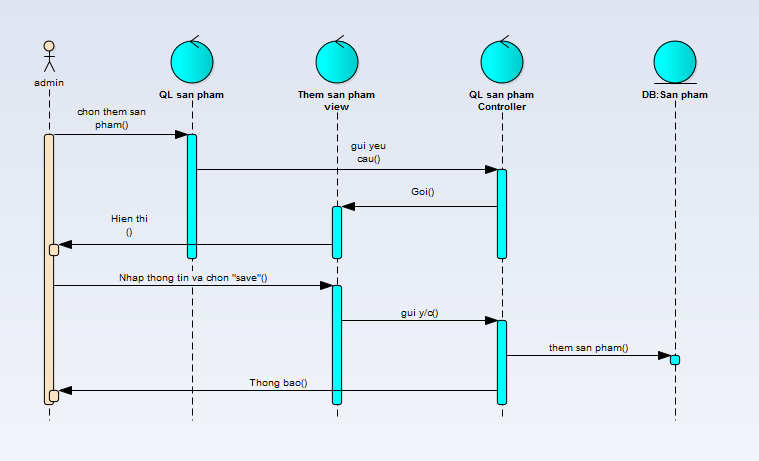




b. Thêm sản phẩm

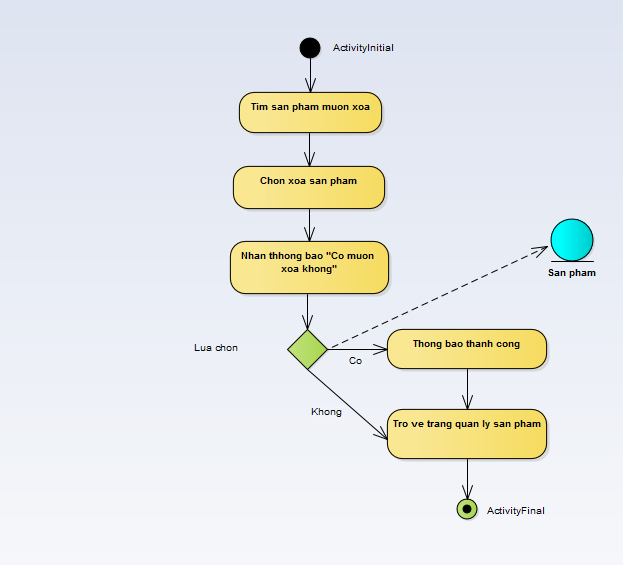
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Thêm sản phẩm | | **ID**: 2 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn thêm sản phẩm vào hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin thêm 1 sản phẩm | | | |
| **Ràng buộc**: Admin chọn chức năng thêm sản phẩm  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin chọn thêm sản phẩm.  2. Hệ thống trả về from điền thông tin.  3. Admin nhập thông tin và chọn save.  4. Hệ thống thông báo thành công.  5. Quay về trang quản lý sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**:  3.a Nếu thông tin không hợp lệ thì phải nhập lại. | | | |

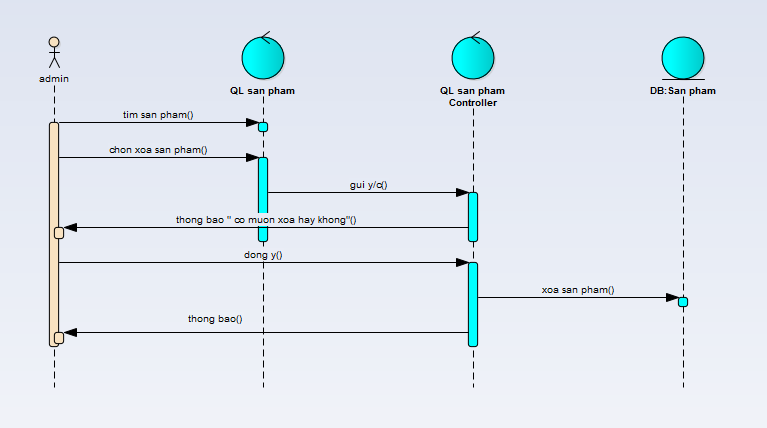




c. Xóa sản phẩm

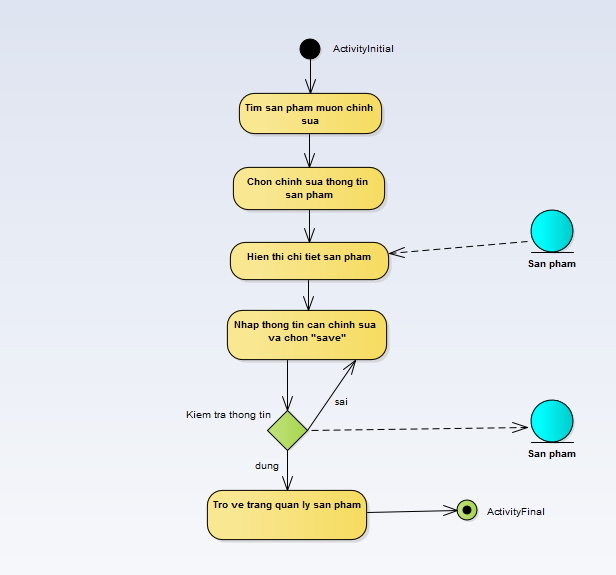
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Xóa sản phẩm | | **ID**: 3 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn xóa sản phẩm khỏi hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin xóa sản phẩm | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng xóa sản phẩm  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin tìm sản phẩm muốn xóa.  2. Admin chọn xóa sản phẩm.  3. Hệ thống thông báo “Bạn có chắc chắn muốn xóa không”.  4. Admin chọn đồng ý.  5. Thông báo thành công.  6. Quay lại trang quản lý sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**:  4a. Nếu admin chọn không đồng ý thì chuyển sang bước 5. | | | |

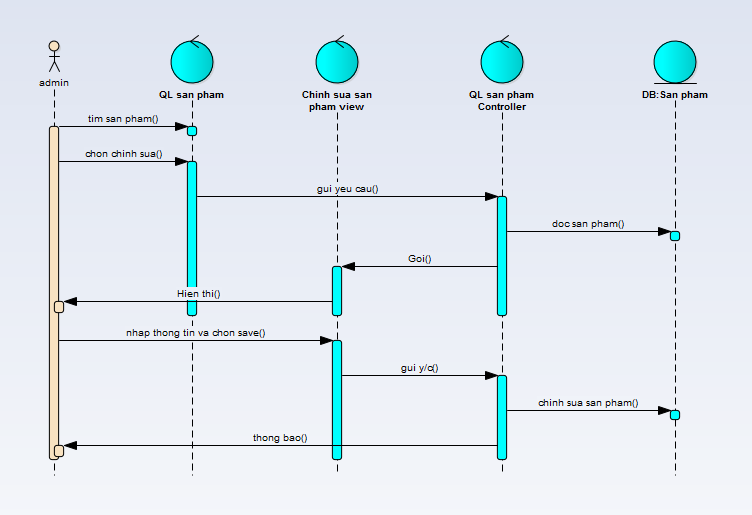




d. Chỉnh sửa thông tin sản phẩm

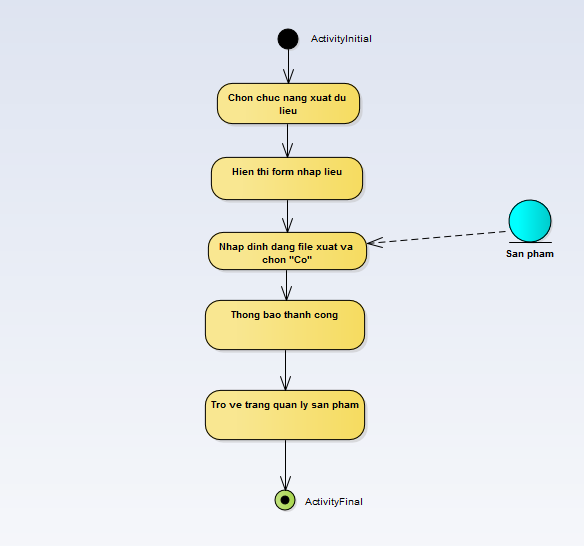
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Chỉnh sửa thong tin sản phẩm | | **ID**: 4 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn chỉnh sửa thông tin sản phẩm trong hệ thế hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin chỉnh sửa thông tin 1 sản phẩm | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng chỉnh sửa thong tin sản phẩm  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin tìm kiếm sản phẩm muốn chỉnh sửa.  2. Admin chọn chức năng chỉnh sửa.  3. Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm.  4. Admin nhập thông tin muốn chỉnh sửa vào các trường và chọn “save”.  5. Quay lại trang quản lý sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**:  4a. Nếu nhập sai thì phải nhập lại. | | | |

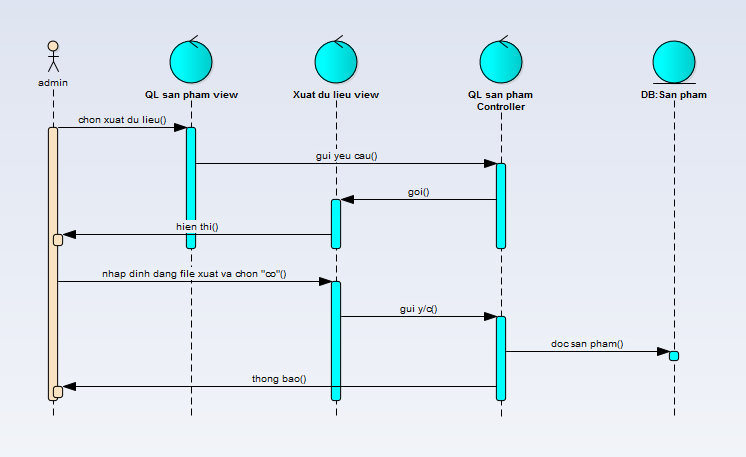




e. Xuất dữ liệu

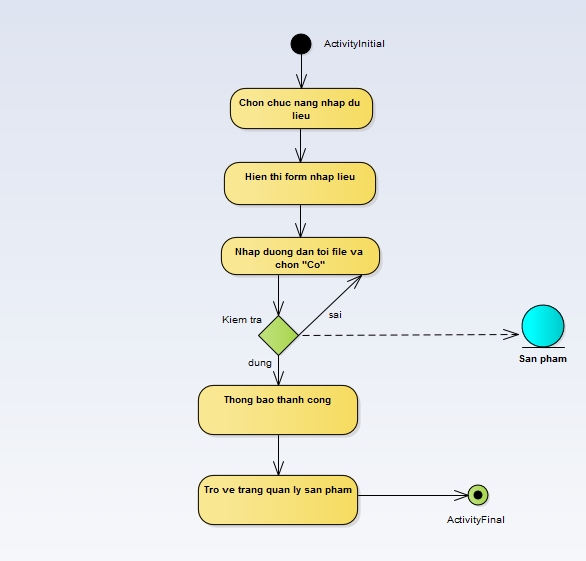
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Xuất dữ liệu | | **ID**: 5 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn xuất dự liệu của hệ hệ thống ra file. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin xuất dữ liệu từ hệ thống. | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng xuất dữ liệu  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin chọn chức năng xuất dữ liệu.  2. Hệ thống trả về form nhập liệu.  3. Admin nhập loại file muốn xuất và chọn “Có”.  4, Hệ thống thông báo thành công.  5. Quay lại trang quản lý sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: Không có, | | | |

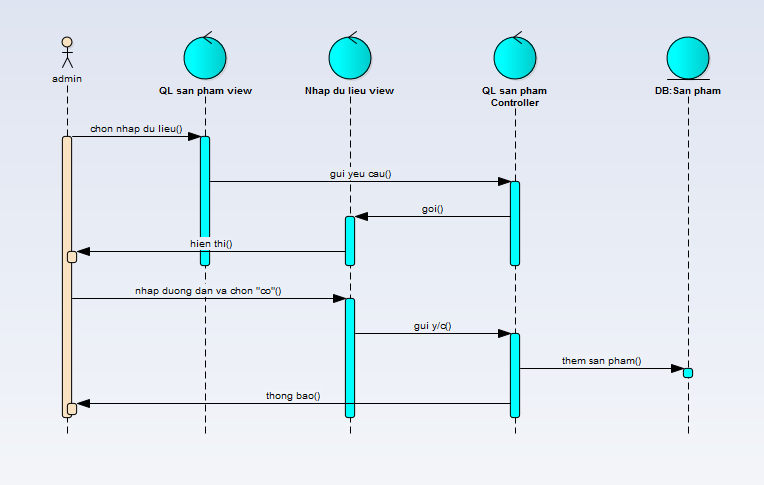




f. Nhập dữ liệu

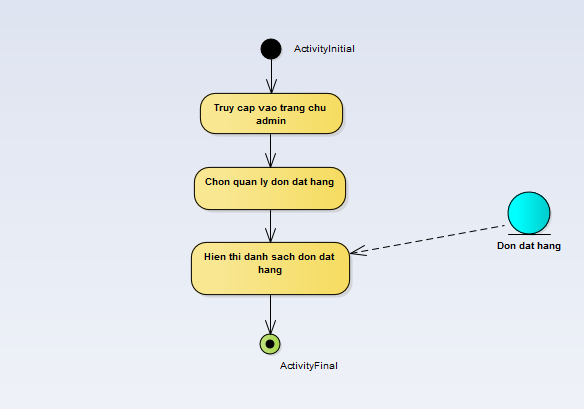
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Nhập dữ liệu | | **ID**: 6 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn nhập hàng loạt các sản phẩm vào hệ thống toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin nhập dữ liệu vào hệ thống | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng nhập dữ liệu  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Khống có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin chọn chức năng nhập dữ liệu.  2. Hệ thống trả về form nhập liệu.  3. Admin nhập đường dẫn tới file và chọn “Có”.  4, Hệ thống thông báo thành công.  5. Quay lại trang quản lý sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**:  3a. Nếu đường dẫn sai thì nhập lại. | | | |

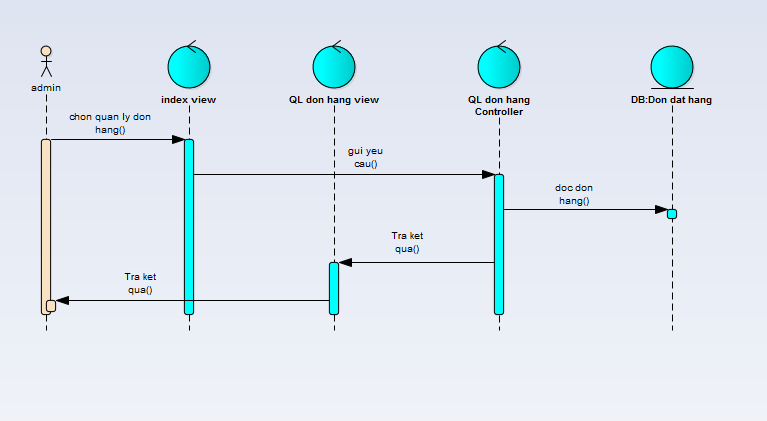




g. Quản lý đơn đặt hàng

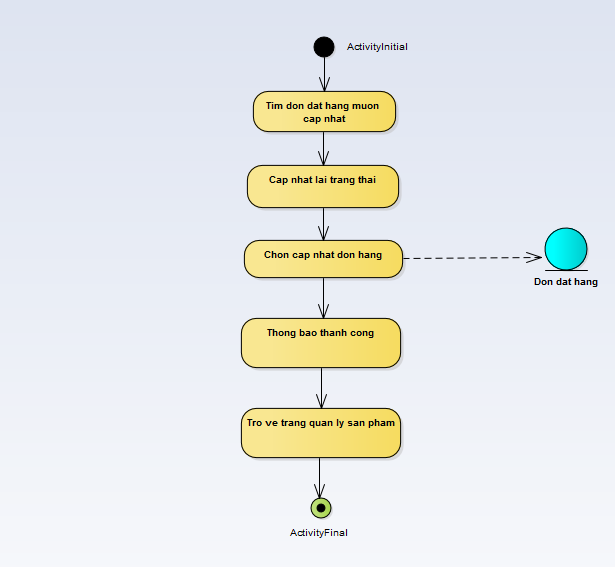
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Quản lý đơn đặt hàng | | **ID**: 7 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn quản lý đặt hàng của toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mô tả admin quản lý các đơn đặt hàng của hệ thống | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng quản lý đơn đặt hàng.  **Loại**: Bên ngoài | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Chỉnh sửa trạng thái đơn đặt hàng, xử lý phản hồi  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin truy cập vào trang chủ.  2. Admin chọn quản lý đơn đặt hàng.  3. Hệ thống trả về toàn bộ danh sách các đơn đặt hàng. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: Không có | | | |

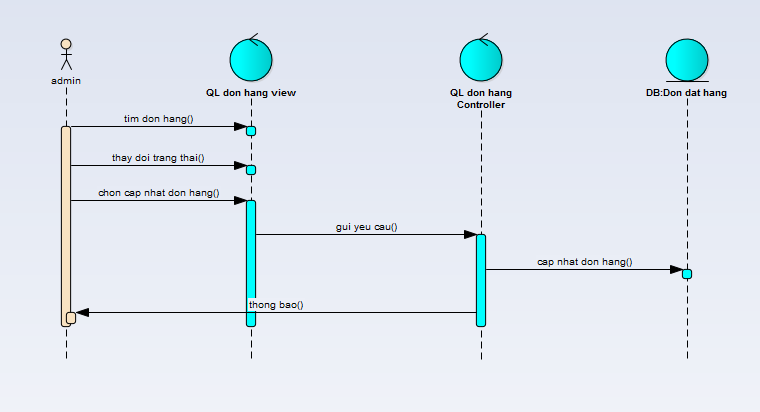




h. Cập nhật trạng thái đơn đặt hàng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Cập nhật trạng thái đơn đặt hàng | | **ID**: 8 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn cập nhật trạng thái của 1 đơn đặt hàng. | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case mo tả admin cập nhật trạng thaais đơn hàng. | | | |
| **Ràng buộc**: Chọn chức năng cập nhật trạng thái đơn hàng  **Loại**: Bên trong | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association:Admin  2. Mở rộng: Không có  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin tìm đơn hàng muốn cập nhật.  2. Admin cập nhật lại trạng thái.  3. Admin chọn cập nhật đơn hàng.  4. Hệ thống thông báo thành công.  5. Quay lại trang quản lý đơn đặt hàng. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: Không có | | | |





i. Xử lý phản hồi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Quản lý sản phẩm | | **ID**: 9 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn quản lý sản phẩm của toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Us | | | |
| **Ràng buộc**:  **Loại**: | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association:  2. Mở rộng:  3. Bao hàm:  4. Tổng quát hóa: | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**: | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: | | | |

k. Soạn, gửi bản tin.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Quản lý sản phẩm | | **ID**: 10 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn quản lý sản phẩm của toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Us | | | |
| **Ràng buộc**:  **Loại**: | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association:  2. Mở rộng:  3. Bao hàm:  4. Tổng quát hóa: | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**: | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: | | | |

l. Quản lý các diễn đàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên Use-Case**: Quản lý sản phẩm | | **ID**: 11 | **Mức quan trọng**: Cao |
| **Tác nhân chính**: Admin | **Loại Use-Case**: detail | | |
| **Người liên quan và công việc quan tâm**:  Admin: muốn quản lý sản phẩm của toàn hệ thống | | | |
| **Mô tả tóm tắt**: Use-case này mô tả admin xem toàn bộ sản phẩm của hệ thống. | | | |
| **Ràng buộc**: Admin chọn chức năng quản lý sản phẩm.  **Loại**: Bên ngoài | | | |
| **Các mối quan hệ**:  1. Association: Admin  2. Mở rộng: Thêm, xóa, chỉnh sửa thông tin sản phẩm, nhập và xuất dữ liệu  3. Bao hàm: Không có  4. Tổng quát hóa: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện tổng quát**:  1. Admin truy cập vào trang admin.  2. Admin chọn quản lý sản phẩm.  3. Hệ thống trả về danh sách các sản phẩm. | | | |
| **Các dòng sự kiện con**: Không có | | | |
| **Các dòng sự kiện ngoại lệ**: Không có | | | |